

Bản án số: **05/2025/HNGĐ- ST**

Ngày: 28/7/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Như Lữ.**

Ông **Lương Khắc Dũng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên;

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị M**; sinh năm 1991;

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản N, xã T, tỉnh Điện Biên), *có mặt tại phiên tòa.*

2. Bị đơn: Anh **Cà Văn T**; sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản N, xã T, tỉnh Điện Biên). Hiện đang chấp hành án tại: Trại tam giam Công an tỉnh Đ, *vắng mặt tại phiên tòa.*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Lò Thị M là bà: Lê Thị D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Cà Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã T, tỉnh Điện Biên) vào ngày 18/3/2011, anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ngày 25/02/2023 anh T lại bị Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xử Tử hình

tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” (Hiện đang chấp hành án Trại tạm giam Công an tỉnh Đ). Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị M làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cà Văn T.

2. Về con chung: Chị Lò Thị M và anh Cà Văn T có 01 con chung là cháu Cà Trung H, sinh ngày 07/9/2018. Nguyên vọng của chị M sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trung H cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị M khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Khu vực 2 - Điện Biên) đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị M cho anh Cà Văn T biết để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại biên bản tự lời khai của đương sự đề ngày 13 tháng 6 năm 2025 bị đơn anh Cà Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Cà Văn T và chị Lò Thị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã T, tỉnh Điện Biên) vào ngày 18/3/2011, anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ngày 25/02/2023 anh T lại bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và bị kết án Tử hình tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” (Hiện đang chấp hành án Trại tạm giam Công an tỉnh Đ). Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M làm đơn khởi kiện ly hôn với anh T. Quan điểm của anh T đồng ý ly hôn với chị M. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng anh chị. Vì anh T đang chấp hành án không thể đến tham gia xét xử tại Tòa án được, anh T làm đơn xin vắng mặt.

Về con chung: Anh Cà Văn T và chị Lò Thị M có 01 con chung là cháu Cà Trung H, sinh ngày 07/9/2018. Anh T đồng ý để chị M sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh T khai không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Lò Thị M đề nghị HĐXX xem xét về hôn nhân; về con chung như nguyên đơn chị Lò Thị M đã yêu cầu và đề nghị HĐXX miễn án phí cho chị M theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án vì chị M là Người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, chị M cũng đã có đơn xin miễn án phí.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cà Văn T theo nội dung đơn xin ly hôn chị M đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 02/6/2025 chị Lò Thị M nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên) đối với anh Cà Văn T hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, trước khi bị bắt anh T có địa chỉ tại: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản N, xã T, tỉnh Điện Biên). Ngày 03/6/2025 chị M có đơn xin miễn án phí và đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị M theo Điều 195 BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Cà Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Các vấn đề khác: Bị đơn anh Cà Văn T hiện đang chấp hành án trong trại tạm giam Công an tỉnh Đ nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Cà Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã T, tỉnh Điện Biên) vào ngày 18/3/2011, anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Như vậy đã tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên quan hệ giữa chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ngày 25/02/2023 anh T lại bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử Tử hình tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” (Hiện đang chấp hành án Trại tạm giam Công

an tỉnh Đ). HĐXX thấy rằng bản thân anh T đã không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha dẫn đến tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị M.

[2.2] Xét về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là cháu Cà Trung H, sinh ngày 07/9/2018. Chị M có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu Trung H đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh T đang phải chấp hành án, anh không thể có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Trung H và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M. Giao con chung cho chị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T đang chấp hành án không có khả năng cấp dưỡng nên HĐXX chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị M khai không có. HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị M là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, chị M có đơn xin miễn án phí. Vì vậy HĐXX chấp nhận miễn án phí DSST cho chị Lò Thị M.

Việc đề nghị của N1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lò Thị M tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị M với anh Cà Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Cà Trung H; sinh ngày 07/9/2018 cho chị Lò Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị M.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lò Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2025).

Anh Cà Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV-2ĐB;
- UBND xã Thanh Nưa,
- , tỉnh ĐB (nơi Đăng ký kết hôn);
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Lưu VP
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

